

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng trung tâm
huyện lỵ Krông Búk đến năm 2025, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Krông Búk đến năm 2025, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 321/TTr-SXD ngày 28/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Krông Búk đến năm 2025, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

1. Điều chỉnh khoản 5 Điều 1 như sau:

“ 5. Cơ cấu sử dụng đất đai:

| STT | Hạng mục | Quy hoạch | | | | | |
|-----|--|-----------------|-----------|--------------------|-----------------|-----------|--------------------|
| | | Giai đoạn 2015 | | | Giai đoạn 2025 | | |
| | | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | m ² /ng | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | m ² /ng |
| | Tổng diện tích đất toàn đô thị (I+II) | 1.870,00 | | | 1.870,00 | | |
| I | Đất xây dựng đô thị | 386,00 | 100 | 257,34 | 685,00 | 100 | 274,00 |
| 1 | Đất dân dụng | 210,07 | 54,43 | 140,05 | 387,52 | 56,57 | 155,01 |
| - | Đất ở | 132,00 | 34,20 | 88,00 | 249,00 | 36,35 | 99,60 |
| - | Đất công trình công cộng đô thị | 15,41 | 3,99 | 10,28 | 24,71 | 3,61 | 9,88 |
| - | Đất cây xanh, thể dục thể thao | 14,00 | 3,63 | 9,33 | 46,47 | 6,78 | 18,59 |

| | | | | | | | |
|-----------|---|-----------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|---------------|
| - | Đất giao thông nội thị | 48,66 | 12,61 | 32,44 | 67,34 | 9,83 | 26,94 |
| 2 | Đất ngoài dân dụng | 175,93 | 45,57 | 117,29 | 297,48 | 43,43 | 118,99 |
| - | Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng | 15,00 | 3,89 | 10,00 | 35,52 | 5,19 | 14,21 |
| - | Giao thông đối ngoại | 55,38 | 14,35 | 36,92 | 47,36 | 6,91 | 18,94 |
| - | Đất cơ quan, trường chuyên nghiệp | 24,72 | 6,39 | 16,48 | 35,48 | 5,18 | 14,19 |
| - | Đất cây xanh cảnh quan, cách ly | 54,28 | 14,06 | 36,19 | 150,07 | 21,91 | 60,03 |
| - | Đất thương mại, dịch vụ du lịch | 18,00 | 4,66 | 12,00 | 18,50 | 2,70 | 7,40 |
| - | Đất an ninh quốc phòng | 4,55 | 1,18 | 3,03 | 4,55 | 0,66 | 1,82 |
| - | Thủy lợi, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật | 4,00 | 1,04 | 2,67 | 6,00 | 0,88 | 2,40 |
| II | Đất khác | 1.484,00 | | | 1.185,00 | | |
| - | Đất nông nghiệp + ở kết hợp sản xuất | 1.343,00 | | | 1.013,75 | | |
| - | Đất lâm nghiệp | 11,00 | | | 9,25 | | |
| - | Đất nghĩa trang, nghĩa địa | 10,00 | | | 20,00 | | |
| - | Đất sông suối, mặt nước | 120,00 | | | 142,00 | | |

2. Điều chỉnh điểm a, khoản 7, Điều 1:

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Quốc lộ 14: Đoạn đi qua Trung tâm huyện lỵ Krông Búk là trục giao thông chính đô thị, có chỉ giới đường đỏ là 42,0m;

+ Đường N6: Là trục ngang chính đô thị, có chỉ giới đường đỏ là 50,0m;

+ Đường khu vực nối kết các khu chức năng đô thị và là tuyến đường vành đai của trung tâm đô thị có chỉ giới đường đỏ là 27,0m;

+ Đường giao thông nội bộ trong từng khu chức năng có chỉ giới đường đỏ là 16,0m.

- Công trình giao thông:

+ Bến xe liên tỉnh: Bố trí một bến xe liên tỉnh khu vực phía Bắc đô thị, diện tích 3,46ha;

+ Phương tiện giao thông hành khách nội thị: Dự kiến tổ chức tuyến ô tô công cộng theo hướng Đông Tây và Bắc Nam để phục vụ dân đô thị và khách du lịch.

Tổng hợp quy hoạch hệ thống giao thông đến năm 2025

| STT | Hạng mục | Lộ giới (m) | Mặt cắt quy hoạch (m) | | |
|----------|-----------------------------|-------------|-----------------------|-----------|-----------|
| | | | Mặt đường | Vĩa hè | Phân cách |
| A | GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI | | | | |
| 1 | Quốc lộ 14 | 42,0 | 12,0+12,0 | 7,5+7,5 | 3,0 |
| 2 | Đường N6 | 50,0 | 21,0 | 12,5+12,5 | 4,0 |
| B | GIAO THÔNG ĐỐI NỘI | | | | |
| 3 | Quốc lộ 14 (hiện hữu) | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 4 | Đường N1 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 5 | Đường N2 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 6 | Đường N3 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 7 | Đường N4 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |
| 8 | Đường N5 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |
| 9 | Đường N7 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 10 | Đường N8 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 11 | Đường N9 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |
| 12 | Đường D1 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 13 | Đường D2 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |
| 14 | Đường D3 | 27,0 | 15,0 | 6,0+6,0 | |
| 15 | Đường D4 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |
| 16 | Đường D5 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |
| 17 | Đường D6 | 16,0 | 8,0 | 4,0+4,0 | |

3. Các vấn đề khác: Phạm vi ranh giới lập quy hoạch; định hướng phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan đô thị; ... thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Krông Búk chịu trách nhiệm thông báo nội dung điều chỉnh nêu trên, để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh khoản 5 Điều 1, Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 08/12/2009 của Chủ tịch

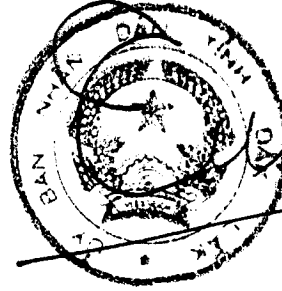
UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Trung tâm huyện lỵ
Krông Búk đến năm 2025, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và
Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương,
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Krông Búk, Thủ
trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này. / .
/ .

Nơi nhận: / .

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (VT-22).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà